

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2012	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012	10 - 27

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Công ty Cổ phần Sông Đà 27 (sau đây viết tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2803000075 ngày 18/11/2003 và thay đổi lần thứ chín ngày 01/06/2012 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Hà Tĩnh cấp.

Vốn điều lệ: 15.728.330.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu ba, trăm ba mươi nghìn đồng ./.)

Công ty có trụ sở tại: Số 91 - Nguyễn Phan Trách - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại;
-
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, trạm thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, kinh doanh phát triển đô thị;
- Tư vấn xây dựng, khảo sát thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác nguyên nhiên vật liệu chế biến phục vụ sản xuất và kinh doanh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|---------------|
| 1 Ông Nguyễn Văn Thảo | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Nguyễn Minh Tuấn | Ủy viên |
| 3 Ông Võ Viết Thắng | Ủy viên |
| 4 Bà Nguyễn Thị Kim | Ủy viên |
| 5 Ông Đỗ Hữu Thìn | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1 Ông Nguyễn Văn Thảo | Tổng giám đốc |
| 2 Ông Dương Văn Đản | Phó tổng giám đốc |
| 3 Bà Nguyễn Thị Kim | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1 Ông Nguyễn Hồng Phong | Trưởng ban |
| 2 Ông Đậu Trọng Tố | Thành viên |
| 3 Ông Đặng Văn Trự | Thành viên |
| 4 Ông Thân Văn Trọng | Thành viên |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2012 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Liên quan đến báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty, chúng tôi xin giải trình một số nội dung cụ thể như sau:
 - + Khoản chi phí sửa chữa đường tránh Hà Tĩnh số tiền 5.358.096.267 đồng đang được theo dõi trên TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn là khoản chi phí đơn vị đã thực hiện sửa chữa trong giai đoạn bảo hành, đơn vị đang làm việc với các nhà thầu phụ để thu hồi lại khoản chi phí này vì vậy Ban Tổng giám đốc chưa xử lý vào năm tài chính 2012 mà chờ kết quả thu hồi và xử lý vào năm tài chính 2013.
 - + Đối với khoản Phải thu nội bộ - Phải trả nội bộ là khoản Công nợ của công ty với các chi nhánh và đội sản xuất lũy kế từ nhiều năm trước. Chúng tôi đang thực hiện rà soát, đối chiếu công nợ với từng đối tượng công nợ vì vậy chưa thực hiện bù trừ công nợ nội bộ trong năm tài chính 2012.

ĐẠI DIỆN:

Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Thảo

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Số: /CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Sông Đà 27 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

1. Đối với mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2012 đơn vị chưa thực hiện kiểm kê đầy đủ. Với những bằng chứng thu thập được cũng như các biện pháp thay thế khác chúng tôi chưa có đủ cơ sở để khẳng định tính hợp lý của khoản mục này trên Báo cáo tài chính.

2. Đơn vị đang phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn khoản chi phí sửa chữa đường tránh Hà Tĩnh số tiền 5.358.096.267 đồng. Với các bằng chứng thu thập được chúng tôi chưa có đủ căn cứ để khẳng định khả năng thu hồi đối với các khoản chi phí này.

3. Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 12 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính khoản lỗ thuần của đơn vị là 7.757.426.956 đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày này khoản lỗ lũy kế của đơn vị là 21.650.597.580 đồng. Như vậy số lỗ lũy kế đã vượt quá vốn chủ sở hữu, điều này có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, với những giới hạn nêu trên thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 27 đã:

- a) Phản ánh chưa trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Sông Đà 27 giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên

Tổng Giám đốc

Lê Văn Dò

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.395.678.047	97.294.321.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		213.884.721	165.551.893
1. Tiền	111	V.01	213.884.721	165.551.893
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	54.626.296.856	43.821.709.924
1. Phải thu khách hàng	131		27.521.341.374	14.804.429.767
2. Trả trước cho người bán	132		249.487.160	143.136.160
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		25.966.804.635	28.164.269.286
5. Các khoản phải thu khác	138		1.027.812.395	849.023.419
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(139.148.708)	(139.148.708)
IV. Hàng tồn kho	140		43.666.996.015	50.301.494.898
1. Hàng tồn kho	141	V.03	43.666.996.015	50.301.494.898
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.888.500.455	3.005.564.374
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		310.460.735	381.721.699
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.578.039.720	2.623.842.675
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.571.289.004	41.678.851.503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.718.728.769	32.350.439.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	25.256.675.779	32.236.416.145
- Nguyên giá	222		36.382.534.604	45.551.476.149
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.125.858.825)	(13.315.060.004)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.05	462.052.990	114.023.190
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.690.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.06	3.000.000.000	3.690.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.852.560.235	5.638.412.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	5.852.560.235	5.638.412.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.966.967.051	138.973.172.592

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		139.951.006.336	135.199.784.921
I. Nợ ngắn hạn	310		123.745.994.446	115.846.308.963
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	41.814.603.228	40.982.654.528
2. Phải trả người bán	312	V.09	13.960.999.843	11.094.604.013
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	5.875.359.300	9.316.572.646
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	3.275.879.944	1.094.263.614
5. Phải trả công nhân viên	315		6.098.230.849	4.068.931.672
6. Chi phí phải trả	316		221.887.748	378.041.300
7. Phải trả nội bộ	317		29.248.678.826	31.556.602.424
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	23.105.891.512	17.210.175.570
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		144.463.196	144.463.196
II. Nợ dài hạn	330		16.205.011.890	19.353.475.958
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	16.205.011.890	19.205.011.890
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	148.464.068
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(3.984.039.285)	3.773.387.671
I. Vốn chủ sở hữu	410		(3.984.039.285)	3.773.387.671
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.728.330.000	15.728.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		652.000.000	652.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		751.959.550	751.959.550
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		534.268.745	534.268.745
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(21.650.597.580)	(13.893.170.624)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.966.967.051	138.973.172.592

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: đ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	39.912.042.732	31.260.931.317
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.16	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.17	39.912.042.732	31.260.931.317
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	40.253.110.105	30.734.007.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		(341.067.373)	526.923.959
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	922.204	9.695.180
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	6.503.122.510	11.372.333.945
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.503.122.510	11.372.333.945
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.270.970.352	3.320.898.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.114.238.031)	(14.156.613.626)
11. Thu nhập khác	31		5.169.955.642	598.044.813
12. Chi phí khác	32		3.813.144.567	334.601.811
13. Lợi nhuận khác	40		1.356.811.075	263.443.002
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.757.426.956)	(13.893.170.624)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.757.426.956)	(13.893.170.624)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			(4.932)	(8.833)

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Kim

Nguyễn Văn Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

<i>Đơn vị tính: đ</i>			
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		21.931.886.723	38.922.509.612
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(5.092.043.097)	(14.051.465.804)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.918.625.688)	(4.554.609.958)
4. Tiền chi trả lãi vay		(1.317.280.842)	(2.372.871.452)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			(41.605.991)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.073.632.112	7.917.467.899
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.301.875.951)	(19.629.707.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.375.693.257	6.189.717.046
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	$\frac{0,1}{9,11}$		19.000.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		3.607.500.000	569.044.813
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác		-	29.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		922.204	9.695.180
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.608.422.204	626.739.993
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	21	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.h	21	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.816.315.616	23.575.047.721
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(14.752.098.249)	(30.372.058.934)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	21	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.935.782.633)	(6.797.011.213)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		48.332.828	19.445.826
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		165.551.893	146.106.067
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	29	213.884.721	165.551.893
Kế toán trưởng		Tổng giám đốc	

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Kim

Nguyễn Văn Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2012****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Sông Đà 27 ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2803000075 ngày 18/11/2003 và thay đổi lần thứ chín ngày 01/6/2012 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Hà Tĩnh cấp.

Vốn điều lệ: 15.728.330.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng ./.)

Công ty có trụ sở tại: Số 91, Nguyễn Phan Chánh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và Xây lắp.**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, trạm thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, kinh doanh phát triển đô thị.
- Tư vấn xây dựng, khảo sát thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác nguyên nhiên vật liệu chế biến phục vụ sản xuất và kinh doanh
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vận tải.
- Dịch vụ ủy thác đầu tư.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty Cổ phần Sông Đà 27, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- 1.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**
- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

- Tài sản cố định của Công ty được ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 9 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định khác	4 - 6 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác của Công ty bao gồm các khoản góp vốn vào các công ty được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí khác

- * Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- * Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn:

7.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

8. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9.2 Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 – "Hợp đồng xây dựng".

9.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- * Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

12.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- * Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế Hà Tĩnh, các đơn vị trực thuộc kê khai thuế GTGT tại các Cục thuế nơi đơn vị đặt trụ sở. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài chính đơn vị lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.
- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đ)

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	161.809.610	157.481.607
- Tiền gửi Ngân hàng	52.075.111	8.070.286
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	52.075.111	8.070.286
Cộng	213.884.721	165.551.893

	Cuối năm	Đầu năm
2.1. Phải thu khách hàng	27.521.341.374	14.804.429.767
Công trình giao thông, thủy lợi	21.371.366.536	11.506.911.692
Công trình hội trường, trụ sở	620.428.583	1.143.493.583
Công trình khác	1.221.697.987	1.221.697.987
XN Đá Hồng Lĩnh Sông Đà	114.117.933	130.166.291
Nhà máy gạch Tuynel Vượng Lộc	1.879.770.991	169.004.870
Dịch vụ vận chuyển - Thuê máy	163.959.344	99.593.344
Thanh lý tài sản & bán thành phẩm	2.150.000.000	533.562.000
Cộng	27.521.341.374	14.804.429.767

2.2. Trả trước cho người bán	249.487.160	143.136.160
Công ty TNHH Xây dựng Minh Hà		143.136.160
Công ty CP tài nguyên môi trường T&T	70.000.000	
Công ty TNHH Xây dựng Minh Hà	179.487.160	
Cộng	249.487.160	143.136.160

2,3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	25.966.804.635	28.164.269.286
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	10.941.350	10.941.350
Phải thu nội bộ khác	25.955.863.285	28.153.327.936
Xí nghiệp Sông Đà 27.1 (Đội Bản Vẽ)	1.102.425.150	845.798.529
Xí nghiệp Sông Đà 27.1 (Đội Hạ Long)	2.787.319.263	2.787.319.263
Đội số 2	1.395.951.439	967.493.426

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

<i>Đoàn Ngọc Thanh</i>	30.524.788	27.876.448
<i>Xí nghiệp Sông Đà 27.4</i>	438.461.883	536.027.781
<i>Xí nghiệp Sông Đà 27.9</i>	2.768.428.050	1.797.092.393
<i>Xí nghiệp Sông Đà 27.10</i>	3.290.772.600	4.214.361.823
<i>Trần Tất Đạt</i>	51.466.064	51.466.064
<i>Hồ Anh Dũng - Lãi vay</i>	22.383.313	22.383.313
<i>Đội số 6</i>	424.452.067	1.122.633.003
<i>Xí nghiệp 27.1 (Đội Hải Phòng)</i>	841.407.618	841.407.618
<i>XN Sông Đà 27.1 (Thạch Thượng - Thạch Ngọc)</i>	3.955.851	159.560.337
<i>XN Sông Đà 27.1 (Bộ chỉ huy quân sự Hà Tĩnh)</i>	346.636.598	1.082.508.274
<i>XN Sông Đà 27.1 - Nút giao đường tránh</i>	132.151.515	1.098.401.515
<i>XN Sông Đà 27.8</i>	11.236.536.609	11.589.779.941
<i>Trung tâm TV Thiết kế Sông Đà 27</i>	63.109.839	45.825.299
<i>Xí nghiệp Sông Đà 27.5</i>	150.270.297	93.782.568
<i>XN Đá XD Hồng Lĩnh - Sông Đà</i>	869.610.341	869.610.341
Cộng	25.966.804.635	28.164.269.286
2.4. - Phải thu khác	1.027.812.395	849.023.419
Đoàn Ngọc Thanh	106.500.000	106.500.000
Trần Tất Đạt	120.598.295	137.149.312
Các cá nhân nợ BHXH, BHYT, KPCĐ	235.431.567	133.119.450
Đền bù mặt bằng đài truyền hình Tây sơn	7.350.000	7.350.000
Hồ Anh Dũng	35.995.518	35.995.518
Mạnh Thế Hải		33.950.502
Mỏ đất Ngọc Sơn	4.000.000	4.000.000
Nguyễn Mậu Hương	1.000.000	1.000.000
Sở xây dựng Hà Tĩnh	30.000.000	30.000.000
Ban A Huyện Can Lộc	55.000.000	55.000.000
Đoàn Viết Thắng		38.480
Phải thu KHTSCĐ các đối tượng	9.137.500	9.137.500
Thuế CT: Trường mầm non Cẩm Lĩnh	8.088.754	8.088.754
Thuế CT: Nhà bia tường niệm xã Đức Thủy	4.691.947	4.691.947
Trần Thân Tạng - Phạt tiền S/C máy xúc	25.657.607	25.657.607
Nguyễn Hữu Phồn - Phạt tiền S/C máy xúc	18.394.564	18.394.564
Đường Bao - Hà Tĩnh	12.732.367	12.732.367
Công ty CPSX & TM Vạn Thiên Tùng		2.374.509
Ban quản lý DAQL 1A - Đoạn tránh thị xã Hà Tì	170.000.000	170.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	30.000.000	30.000.000
Thu BH trừ qua lương 8.5% Q3 XN Đá		3.797.001
PThu BH trừ lương (8.5%) T8, T9 VP nhà máy gạch		4.415.908
Nguyễn Thị Đào		6.730.000
Nguyễn Thúy Tình		8.900.000
Phải thu lãi BH các cá nhân, XN	153.234.276	
2.5. Dự phòng phải thu khó đòi	139.148.708	139.148.708
CT: Trung tâm y tế Hương Sơn	42.663.000	42.663.000
CT: Giám định Y khoa Hà Tĩnh	24.000.000	24.000.000
Kênh mương Linh cảm gói thầu số 11	4.690.753	4.690.753

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh
 Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
 Kết thúc ngày 31/12/2012

Kênh mương Linh cảm gói thầu số 15	19.356.372	19.356.372
Kênh mương Linh cảm gói thầu số 5	36.090.000	36.090.000
Trạm xuất nhập cảnh cầu treo	12.348.583	12.348.583
Cộng	139.148.708	139.148.708

3. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.471.133.952	813.500.385
- Công cụ, dụng cụ	610.412.257	603.258.975
- Chi phí SX, KD dở dang	40.003.078.922	47.543.731.209
- Thành phẩm	1.582.370.884	1.341.004.329
Cộng	43.666.996.015	50.301.494.898

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu năm	13.327.002.013	26.425.955.989	2.195.411.428	158.344.814	3.444.761.905	45.551.476.149
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	507.047.957				-	507.047.957
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-	-
- Thanh lý, nhượng bán	657.112.701	5.483.022.895		91.092.001	3.444.761.905	9.675.989.502
- Giảm khác	-				-	-
Số dư cuối năm	13.176.937.269	20.942.933.094	2.195.411.428	67.252.813	-	36.382.534.604
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.312.598.361	8.191.043.004	2.046.140.328	138.585.167	1.626.693.144	13.315.060.004
- Khấu hao trong năm	1.042.928.387	2.216.686.585	120.088.242	14.188.212	287.063.496	3.680.954.922
- Tăng khác	20.281.918				-	20.281.918
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán	418.719.921	3.472.440.892		85.520.566	1.913.756.640	5.890.438.019
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối kỳ	1.957.088.745	6.935.288.697		67.252.813	-	11.125.858.825
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu năm	12.014.403.652	18.234.912.985		19.759.647	1.818.068.761	32.236.416.145
- Tại ngày cuối năm	11.219.848.524	14.007.644.397		-	-	25.256.675.779

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

5. Chi phí XDCB dở dang		Cuối năm		Đầu năm	
- Tổng số chi phí XDCB dở dang		462.052.990		114.023.190	
Xây dựng cơ bản		462.052.990		114.023.190	
Dự án mở đá Đậu Liêu		462.052.990		114.023.190	
NM Gạch Tuynen		-		-	
Cộng		462.052.990		114.023.190	
6. Đầu tư dài hạn khác		Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
- Đầu tư dài hạn khác					
Công ty CP Cao su Phú	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000	
Riêng Karatic (*)					
Công ty Cổ phần Sắt	-		69.000	690.000.000	
Thạch Khê (*)					
Công ty CP ĐTPT &	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000	
Khu CN Sông Đà Miền					
Trung (**)					
Cộng	300.000	3.000.000.000	369.000	3.690.000.000	
(*) Là khoản vốn góp Công ty uỷ thác cho Tổng Công ty Sông Đà góp vốn, số cổ phần vẫn đứng tên Tổng Công ty Sông Đà mà chưa chuyển sang tên của Công ty.					
(**) Là khoản vốn góp mà Công ty được Công ty CP ĐTXD và PTĐT Sông Đà uỷ thác cho Công ty góp vốn vào Công ty CP ĐTPT và Khu CN Sông Đà Miền Trung. Khoản vốn góp này hiện Công ty đang đứng tên.					
7. Chi phí trả trước dài hạn		Cuối năm		Đầu năm	
Chi phí ngăn VP công ty trụ sở thuê				86.917.520	
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng		232.566.523		132.566.523	
Chi phí sửa chữa đường tránh Hà Tĩnh		5.358.096.267		5.358.096.267	
Tháp nước khu điều hành nhà máy gạch		2.882.987		4.324.481	
Cổng chính, cổng phụ nhà máy gạch		11.115.370		16.673.055	
Mái che xung quanh nhà chứa đất - NMG		6.556.246		9.834.369	
Xây bổ sung mương thoát nước - NMG		1.185.382		1.778.073	
Xây bao che xung quanh nhà cãng - NMG		1.208.563		1.812.845	
Làm xe bàn chở gạch, sàng than, nhà xe, đường vào sân		17.606.024		26.409.035	
Sân cãng ngoài trời - Nhà máy gạch		153.498.748			
Che xung quanh nhà cãng, che bao quanh khu vực cấp li		46.732.000			
Nhà phạm - nhà máy gạch		21.112.125			
Cộng		5.852.560.235		5.638.412.168	
8. Vay và nợ ngắn hạn		Cuối năm		Đầu năm	
a. Vay ngắn hạn		41.814.603.228		40.982.654.528	
Vay ngân hàng		40.034.603.228		39.212.654.528	
(*) Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh		40.034.603.228		39.212.654.528	
Vay các đối tượng khác		1.780.000.000		1.770.000.000	

Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

(**) Công ty CPXD Hạ tầng Sông Đà	1.500.000.000	1.500.000.000
Phan Thị Xuân	100.000.000	270.000.000
Tô Thị Huyền	130.000.000	
Thân Trung Hiếu - Cty Huy Hoàng	50.000.000	
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	41.814.603.228	40.982.654.528
9. Phải trả người bán	13.960.999.843	11.094.604.013
Các công ty 1	9.436.874.235	10.154.442.115
Trần Tất Đạt	136.108.822	162.659.839
Hồ Anh Dũng - Trường MN Cẩm Lĩnh	1.527.537	1.527.537
Phạm Viết Dũng		95.897.881
Nguyễn Đức Doãn (Phôi thép Hải Phòng)	19.463.909	122.409.180
Mạnh Thế Hải	48.536.206	82.486.708
Nguyễn Thanh Hồng	20.704.184	20.704.184
Nguyễn Văn Hà	1.918.565	7.490.000
Ngô Thị Hoa (V/c đất gạch)	322.036	322.036
Đào Khắc Lý	970.000	970.000
Nguyễn Văn Luận	4.881.990	4.881.990
Bùi Đức Lượng - Đất gạch		10.478
Trần Xuân Thông	12.327.360	19.327.360
Nguyễn Quang Tiêu - Sơn CN	6.902.460	6.902.460
Hoàng Ngọc Thủy - Làm ống cống M6	67.662.999	67.662.999
Thân Văn Thành- XN 10	178.628.000	178.628.000
Nguyễn Đình Tuấn		21.270.000
Nguyễn Duy Tân	22.751.497	78.307.702
Xí nghiệp 10	52.023.544	52.023.544
Xí nghiệp 1	16.680.000	16.680.000
Các công ty 2	3.932.716.499	
Cộng	13.960.999.843	11.094.604.013
10. Người mua trả tiền trước	5.875.359.300	9.316.572.646
Công trình giao thông, thủy lợi		1.299.543.000
Nhà máy gạch Tuynel Vượng Lộc		1.879.000
Đường ven Biển Xuân Hội - Vũng áng	975.000.000	975.000.000
Đường liên huyện miềm núi Kỳ Anh - Cẩm Xuyên		284.666.000
Thủy điện Hủa Na		2.186.825.346
Đường Bao Hà Tĩnh	1.400.000.000	1.400.000.000
BQL DA Quốc lộ 51	3.027.279.300	3.027.279.300
Thiết kế nhà hàng	40.000.000	40.000.000
Tiền trước mua gạch	3.680.000	72.380.000
Nhiệt điện Vũng áng	400.000.000	
Dịch vụ vận chuyển - Thuê máy	29.400.000	29.000.000
Cộng	5.875.359.300	9.316.572.646
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	2.847.738.301	779.564.116
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	177.715.580	177.715.580

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

- Thuế Thu nhập cá nhân	98.366.043	59.556.898			
- Thuế tài nguyên	25.812.000	25.812.000			
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	117.483.000	40.000.000			
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.765.020	11.615.020			
Cộng	3.275.879.944	1.094.263.614			
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm			
* Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-			
<i>Kinh phí công đoàn</i>	59.596.237	24.311.584			
Bảo hiểm xã hội	1.158.507.422	832.959.423			
Bảo hiểm y tế	332.979.503	136.355.957			
Phải trả về Cổ phần hoá	1.408.049	1.408.049			
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-			
Doanh thu chưa thực hiện	-	-			
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	21.384.279.785	16.133.436.489			
Bảo hiểm thất nghiệp	169.120.516	81.704.068			
Cộng	23.105.891.512	17.210.175.570			
13. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm			
a. Vay dài hạn	16.205.011.890	19.205.011.890			
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>16.205.011.890</i>	<i>19.205.011.890</i>			
NH ĐT&PT Hồng Lĩnh - Phòng GD Hồng Lĩnh	16.205.011.890	19.205.011.890			
Cộng	16.205.011.890	19.205.011.890			
Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Loại tiền tệ	Lãi suất	Mục đích vay	Số tiền
01/2009/ HD	24/06/09	VND	10,5%	Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Tuynel Vượng Lộc	23.000.000.000
Tổng cộng					23.000.000.000

Tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay theo Dự án đầu tư: Toàn bộ hệ thống day chuyên, thiết bị, lò nung hâm sấy, phân xây lắp thuộc dự án Nhà máy gạch Tuynel Vượng Lộc.

Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Địa chỉ: 91 Nguyễn Phan Chánh - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: (039) 6525 080 - Fax: (039) 6252 090

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2012

14. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	15.728.330.000	652.000.000	674.204.110	475.952.165	971.943.003	18.502.429.278
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	77.755.440	58.316.580	-	136.072.020
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	13.893.170.624	13.893.170.624
- Giảm khác	-	-	-	-	971.943.003	971.943.003
					-	-
2. Số dư cuối năm trước	15.728.330.000	652.000.000	751.959.550	534.268.745	(13.893.170.624)	3.773.387.671
3. Số dư đầu năm nay	15.728.330.000	652.000.000	751.959.550	534.268.745	(13.893.170.624)	3.773.387.671
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	7.757.426.956	7.757.426.956
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
					-	-
4. Số dư cuối năm nay	15.728.330.000	652.000.000	751.959.550	534.268.745	(21.650.597.580)	(3.984.039.285)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	725.179.050	725.179.050
- Vốn góp của các cổ đông khác	15.003.150.950	15.003.150.950
Cộng	15.728.330.000	15.728.330.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

-

-

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

-

-

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.728.330.000	15.728.330.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.728.330.000	15.728.330.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

D. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.572.833	1.572.833
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.572.833	1.572.833
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.572.833	1.572.833
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.572.833	1.572.833
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

E. Các quỹ doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	751.959.550	751.959.550
Quỹ dự phòng tài chính	534.268.745	534.268.745

* **Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty cổ phần Sông Đà 27, phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty.

Quỹ Đầu tư phát triển trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty cổ phần Sông Đà 27, phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty. Được dùng để đảm bảo một nguồn vốn nhất định khi doanh nghiệp hoạt động có lãi, dự phòng rủi ro về tài chính, sử dụng phục vụ cho kinh doanh của doanh nghiệp.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo KQKD (ĐVT: đ)

	Năm nay	Năm trước
15. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.912.042.732	31.260.931.317
+ Doanh thu bán hàng	17.330.172.027	15.458.896.008
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.969.473.432	14.374.513.488
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	612.397.273	1.427.521.821
16. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.912.042.732	31.260.931.317
18. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	18.740.124.868	15.456.445.868
Giá vốn hợp đồng xây dựng	20.542.686.203	13.782.698.371
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	954.185.116	1.494.863.119
Cộng	40.236.996.187	30.734.007.358
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	922.204	9.695.180
Cộng	922.204	9.695.180
20. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	6.503.122.510	11.372.333.945
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	6.503.122.510	11.372.333.945
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	15.391.101.481	17.144.868.204
Chi phí nhân công trực tiếp	8.394.116.063	5.166.105.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.019.419.511	2.565.209.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472.717.212	189.946.211
Chi phí bằng tiền khác	1.840.623.731	4.748.680.239
Cộng	29.117.977.998	29.814.809.471

VII. Thuyết minh bổ sung một số chỉ tiêu trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

	Năm nay
* Tiền thu từ bán hàng	21.931.886.723
Thu nợ cũ	1.043.213.202
Thu tiền bán hàng trong năm	20.888.673.521

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ (MS 02)	(5.092.043.097)
Trả cho người cung cấp hàng hoá	(4.170.339.369)
Trả cho người cung cấp dịch vụ	(921.703.728)
* Tiền chi trả lãi vay (MS 04)	
Tổng lãi phát sinh phải trả	(6.503.122.510)
Số đã trả	(1.576.419.267)
Số còn phải trả	(4.926.703.243)
* Tiền chi mua sắm tài sản cố định (MS 21)	-
Chi mua kỳ trước	-
Chi mua kỳ này	-
Trả trước mua kỳ sau	
* Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được (MS 33)	6.816.315.616
Tiền vay ngắn hạn:	6.816.315.616
Tiền vay dài hạn:	-
* Tiền chi trả nợ gốc vay (MS 34)	(14.752.098.249)
Trả vay ngắn hạn	(11.752.098.249)
Trả vay dài hạn:	(3.000.000.000)
* Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (MS 36)	-
Phân phối trong năm:	-
- Trích các quỹ:	-
- Cổ tức cho cổ đông:	-

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

Các loại công cụ tài chính***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2012	Giá trị hợp lý 31/12/2012
- Tiền và các khoản tương đương tiền	213.884.721	213.884.721
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	28.549.153.769	28.549.153.769

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2012	Giá trị hợp lý 31/12/2012
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	58.019.615.118	58.019.615.118
- Phải trả người bán và phải trả khác	13.960.999.843	13.960.999.843
- Chi phí phải trả	221.887.748	221.887.748

1.2. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý về kế toán có liên quan;

Đối tượng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán và phải trả khác	13.960.999.843		13.960.999.843
- Vay ngắn hạn	41.814.603.228		41.814.603.228
- Vay dài hạn		16.205.011.890	16.205.011.890
- Chi phí phải trả	221.887.748		221.887.748

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
- Tiền và các khoản tương đương tiền	213.884.721		213.884.721
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	28.549.153.769		28.549.153.769
	-		-

1.3. Tài sản đảm bảo

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

- Khoản vay ngắn hạn, trung và dài hạn từ ngân hàng Đầu tư và phát triển Hà Tĩnh để sử dụng vào việc bổ sung vốn đầu tư xây dựng nhà máy gạch và thi công các công trình để thực hiện sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp gồm toàn bộ máy móc thiết bị, tài sản cố định, tài sản các thành viên chức danh và hệ thống dây chuyền, thiết bị, lò nung hầm sấy, phần xây lắp thuộc dự án Nhà máy gạch Tuynel Vượng Lộc, tổng giá trị là: 41.563.000.000, đồng.

2 Thông tin về các bên liên quan

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Cổ tức(VNĐ) 01/01 - 31/12/12	Lương thực lĩnh 01/01 - 31/12/12
1	Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Sông Đà (Đại diện: Nguyễn Văn Thảo, Nguyễn Thị Kim, Đỗ Hữu Thìn, Thân Văn Trọng)	585.636	5.856.360.000	37,23	0	110.471.990
2	Thân Văn Trọng	38.045	380.450.000	2,42		
3	Nguyễn Minh Tuấn	28.705	287.050.000	1,83		
4	Võ Viết Thắng	20.464	204.640.000	1,3		
5	Nguyễn Thị Kim	10.866	108.660.000	0,69		91.232.854

3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K.

4 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

5 Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

6 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	25,43%	29,99%

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	74,57%	70,01%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	102,93%	97,28%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-2,93%	2,72%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	0,97	1,03
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,82	0,84
2.3. <i>Khả năng thanh toán nhanh (lần)</i>	0,00	-
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-19,44%	-44,44%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-19,44%	-44,44%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	-5,64%	-10,77%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	-5,64%	-10,77%

Kế toán trưởng

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Kim

Nguyễn Văn Thảo